TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MY** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v:" Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MY - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông **Trần Đại Dương**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Ngô Thanh Hà**.

2. Bà **Nguyễn Thị Định**.

- *Thư ký Toà án:* Ông **Phạm Q Hà** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*: Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc " *Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Ngô Thị Q, sinh năm 1989

Địa chỉ: Làng ĐB (Đ K cũ), xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985

Địa chỉ: Làng ĐB (Đ K cũ), xã Đ, huyện MY, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN THẤY:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/10/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Q và anh Nguyễn Văn P tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức đám cưới theo P tục địa phương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 27/7/2007. Trong thời gian chung sống chị Q, anh P không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là anh P hay ra ngoài chơi

bời không lo làm ăn, nuôi dạy con cái. Đến nay, chị Q thấy tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện MY giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Q, anh P có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh ngày 13/11/2008, Nguyễn Thị Như Ng - Sinh ngày 08/4/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh Th - Sinh ngày 13/9/2013. Sau khi ly hôn, chị Ngô Thị Q có nguyện vọng nuôi cả 03 con là các cháu Nguyễn Thị Cẩm T; Nguyễn Thị Như Ng và cháu Nguyễn Thị Minh Th mà không yêu cầu anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mặc dù tại đơn khởi kiện và trước đây tôi có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn P:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn P gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo dời ngày xét xử. Tuy nhiên, anh P vẫn cố tình không đến làm việc và tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa. Anh P cố tình không có ý kiến gì thể hiện chính kiến về giải quyết cụ án. Do đó, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 235, 238 và 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Q và cho chị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

- Giao cho chị Ngô Thị Q được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh Th - Sinh ngày 13/9/2013; Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh ngày 13/11/2008 và cháu Nguyễn Thị Như Ng - Sinh ngày 08/4/2011.

Anh Nguyễn Văn P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Buộc chị Ngô Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Văn P, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú tại làng ĐB, xã Đ, huyện MY,

tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện MY thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử thấy:

Chị Ngô Thị Q và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2007 tại UBND phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau; được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức đám cưới theo P tục địa phương. Vì vậy, hôn nhân của chị Q và anh P là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Ngô Thị Q và anh Nguyễn Văn P thấy rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có ba con chung, nhưng trong cuộc sống giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã mà nguyên nhân là anh P hay ra ngoài chơi bời, nhậu nhẹt không lo làm ăn để nuôi dạy con cái, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm. Do đó, chị Ngô Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện MY giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P là có cơ sở nên cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật vì anh P không có mặt tại nhà riêng, không tống đạt trực tiếp được và mỗi lần Tòa án triệu tập để làm việc cũng như tham gia phiên tòa anh P đều vắng mặt không có lý do. Việc không chấp hành của anh P thể hiện thái độ thiếu tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, mà còn gây cản trở cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định là hợp lý. Anh P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh: Được thôn trưởng làng ĐB cung cấp thông tin mâu thuẫn giữa chị Q, anh P xảy ra đã lâu, hiện nay anh P đi làm xa, địa phương cũng đã đến nhà nhờ cha mẹ anh P liên lạc để anh P về nhưng anh P vẫn không hợp tác. Thực tế, về quan hệ hôn nhân của chị Q và anh P đã ly thân hơn hai năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau nên khó có thể hàn gắn tình cảm anh chị được.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh P, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị được ly hôn với anh P là hợp lý.

[3] Về con chung: Chị Q và anh P có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh ngày 13/11/2008, cháu Nguyễn Thị Như Ng - Sinh ngày 08/4/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh T-Sinh ngày 13/9/2013. Sau khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T -

Sinh ngày 13/11/2008, cháu Nguyễn Thị Như Ng - Sinh ngày 08/4/2011và cháu Nguyễn Thị Minh Th -Sinh ngày 13/9/2013 mà không yêu cầu anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị Q là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật vì anh P đi làm ăn xa, các cháu cần sự thương yêu, chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q và giao cho chị được nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc các cháu Nguyễn Thị Cẩm T- Sinh ngày 13/11/2008; Nguyễn Thị Như Ng - Sinh ngày 08/4/2011 và cháu Nguyễn Thị Minh Th -Sinh ngày 13/9/2013. Mặt khác, cháu T và cháu Ng cũng có ý kiến chị em được ở cùng nhau. Đồng thời, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị Q không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Ngô Thị Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Q.

- Chị Ngô Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. **Về con chung:**

Giao cho chị Ngô Thị Q được nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc các cháu Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh ngày 13/11/2008; Nguyễn Thị Như Ng - Sinh ngày 08/4/2011và cháu Nguyễn Thị Minh Th -Sinh ngày 13/9/2013 cho đến khi các con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Q và anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0010764, ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MY, tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện MY;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện MY;
- UBND phường A;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Trần Đại Dương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Khánh *Đinh ThịQ Vân* *Lê Văn Tiến*